

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14-3-2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Tài

- Bà Bùi Thị Duyên

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST –HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1963; địa chỉ thường trú: số 83/2 ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: số 15/1 ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn N, sinh năm: 1963; địa chỉ: số 83/2 ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông Huỳnh Văn N tiến tới hôn nhân là do quen biết nhau, có tìm hiểu nhau một thời gian, hôn nhân giữa bà và ông N là tự nguyện. Bà và ông N có đăng ký kết hôn năm 1984 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T. Quá trình sống chung, thời gian đầu giữa bà và ông N có hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau này thì không còn hạnh phúc xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Bà và ông N đã sống ly thân với nhau, từ khi bà và ông N không còn sống chung thì cả hai cũng không có hàn gắn tình cảm. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng ông Huỳnh Văn N, đời sống vợ chồng đã xảy

ra mâu thuẫn thời gian dài mà không tìm được cách khắc phục. Do đó, mục đích hôn nhân giữa bà và ông N không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Văn N, bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho bà khi ly hôn. Về con chung: bà và ông N có 04 con chung là Huỳnh Thị Ngọc M, sinh ngày 26/9/1984; Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày 14/5/1986; Huỳnh Quốc C, sinh ngày 01/6/1990 và Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 06/4/1994, cả 04 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/01/2024, bị đơn ông Huỳnh Văn N trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị K qua thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân. Ông và bà K có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 1984. Kết hôn xong ông và bà K sống chung, cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc một thời gian dài, thời gian gần đây ông và bà K có xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống do ông và bà K không có tiếng nói chung, ông và bà K đã sống ly thân 05 năm nay, nguyên nhân cũng do không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng ông không có hàn gắn tình cảm. Bà K đã về sống tại xã Bình Thạnh và không còn liên lạc với ông nữa. Nay bà K yêu cầu ly hôn với ông thì ông có ý kiến như sau: ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị K do ông còn thương vợ, mâu thuẫn vợ chồng chưa nghiêm trọng đến nỗi phải ly hôn. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho bà K được ly hôn với ông thì ông có ý kiến như sau: ông không yêu cầu bà K cấp dưỡng cho ông khi ly hôn. Về con chung có 04 con chung tên Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm 1984; Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1986; Huỳnh Quốc C, sinh năm 1990 và Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1994 cả 04 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp “ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Huỳnh Văn N có đăng ký thường trú tại ấp An Hòa, xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: nguyên đơn bà Nguyễn Thị K và bị đơn ông Huỳnh Văn N có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K và ông N.

[4] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Huỳnh Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của bà K và ông N được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân bà K xin ly hôn với ông N là do cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Ông N thừa nhận ông và bà K có xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, đã sống ly thân nhưng ông N không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà K vì ông N còn thương vợ. Xét thấy, hiện nay bà K và ông N không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, ông N không đồng ý ly hôn với bà K nhưng ông N không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà K và bà K vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông N. Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa bà K và ông N là có thật được ông bà thừa nhận. Qua đó cho thấy mâu thuẫn trong cuộc sống của bà K và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K đối với ông N. Bà K và ông N không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Huỳnh Văn N có 04 con chung Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm 1984; Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1986; Huỳnh Quốc C, sinh năm 1990 và Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1994, cả 04 con chung đã trưởng thành, bà K và ông N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Huỳnh Văn N trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Huỳnh Văn N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị K thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên miễn nộp toàn bộ án phí.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 51, 53, 56

Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị K đối với ông Huỳnh Văn N. Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Huỳnh Văn N.

Bà Nguyễn Thị K và ông Huỳnh Văn N không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm 1984; Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1986; Huỳnh Quốc C, sinh năm 1990 và Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1994, cả 04 con chung đã trưởng thành đã trưởng thành, bà K và ông N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Huỳnh Văn N trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị K và ông Huỳnh Văn N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K thuộc trường hợp người cao tuổi nên miễn nộp toàn bộ án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã B, huyện T;
- Lưu Hs, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Văn Tú

